

# PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ THEO TIẾP CẬN ĐỊNH HƯỚNG HỌC TẬP GẮN VỚI NĂNG LỰC HỌC TẬP TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA SINH VIÊN TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

TS. Mai Hoàng Sang

Khoa Giáo dục - Trường Đại học Sài Gòn

Email: mhsang@sgu.edu.vn.

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang chuyển sang mô hình dạy học số và phát triển năng lực người học đáp ứng chuẩn đầu ra, việc đổi mới đánh giá trở thành yêu cầu cấp thiết. Bài báo này nhằm phát triển mô hình đánh giá theo tiếp cận định hướng học tập để hình thành năng lực học tập tự điều chỉnh của sinh viên. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phát triển mô hình qua ba giai đoạn: tổng quan lý thuyết, xây dựng mô hình sơ bộ và tham vấn chuyên gia. Kết quả cho thấy mô hình được cấu trúc thành ba tầng: đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập, đánh giá có phản hồi và tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng; tầng năng lực học tập tự điều chỉnh gồm ba pha: suy nghĩ trước, thực hiện và tự đánh giá bản thân; và tầng hỗ trợ bên ngoài gồm giảng viên, hệ thống học tập số, năng lực sử dụng phản hồi, học tập và đánh giá hợp tác, cùng hồ sơ minh chứng học tập. Mô hình này tạo ra cơ chế liên kết giữa đánh giá, dạy học và công nghệ, qua đó thúc đẩy tự điều chỉnh, tự chủ và phát triển năng lực học tập suốt đời của sinh viên.

**Từ khóa:** Đánh giá định hướng học tập, học tập tự điều chỉnh, giáo dục đại học, mô hình đánh giá, năng lực người học.

Nhận bài: 12/01/2026; Biên tập: 13/01/2026; Phản biện: 19/01/2026; Duyệt đăng: 26/01/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, giáo dục đại học Việt Nam đang chuyển mạnh sang định hướng phát triển năng lực người học gắn với chuẩn đầu ra. Nghị quyết 29/NQ-TW nhấn mạnh yêu cầu đổi mới kiểm tra - đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, trong đó năng lực tự điều chỉnh học tập (Self-Regulated Learning - SRL) được xem là nền tảng của học tập suốt đời. Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045 cũng khẳng định vai trò của công nghệ trong đổi mới dạy học và đánh giá, thúc đẩy môi trường giáo dục lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều cơ sở đại học cho thấy đánh giá vẫn nặng về chấm điểm, phản hồi chưa kịp thời, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng còn hình thức, hạn chế cơ hội phát triển SRL của sinh viên.

Trong xu hướng đó, đánh giá hướng tới việc học (Learning Oriented Assessment - LOA) được xem là cách tiếp cận hiệu quả. Theo Carless (2007), LOA không chỉ đo lường kết quả mà còn thúc đẩy quá trình học thông qua phản hồi liên tục và sự tham gia tích cực của người học. Nghiên cứu trong nước cũng cho thấy LOA giúp chuyển trọng tâm từ “chấm điểm” sang “hỗ trợ học tập”, dù việc triển khai còn thiếu mô hình cụ thể và chính sách đồng bộ.

Vì vậy, cần phát triển mô hình LOA gắn với SRL phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, nhằm vừa hoàn thiện cơ sở lý luận, vừa định hướng thực tiễn đổi mới đánh giá theo hướng phát triển năng lực học tập suốt đời.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai theo hướng

nghiên cứu phát triển mô hình, kết hợp giữa phân tích cơ sở lý luận và kiểm chứng thực tiễn nhằm xây dựng, hoàn thiện mô hình khoa học có tính ứng dụng. Mục tiêu của nghiên cứu này là phát triển một mô hình đánh giá theo tiếp cận LOA phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, góp phần phát triển năng lực SRL của sinh viên đại học. Quy trình nghiên cứu được thực hiện theo Bảng 1.

**Bảng 1.** Quy trình nghiên cứu phát triển mô hình LOA gắn với năng lực SRL của sinh viên đại học

Giai đoạn	Mục tiêu	Hoạt động thực hiện	Kết quả đạt được
Giai đoạn 1. Tổng quan lý thuyết	Xác định cơ sở lý thuyết và mối quan hệ giữa LOA và năng lực SRL.	- Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc, phân tích tài liệu quốc tế và trong nước (2007 - 2025). - Các nguồn trọng tâm: Carless (2007), Jones & Saville (2016), Gebriel (2021), Chong & Reinders (2023), Trần Thị Thanh Hà & Lê Thái Hưng (2025), Vũ Trường An (2022).	Xác định ba trụ cột lý thuyết của LOA và cơ chế tác động đến việc hình thành năng lực SRL của sinh viên.
Giai đoạn 2. Xây dựng mô hình LOA - SRL sơ bộ	Thiết kế mô hình LOA - SRL dựa trên cơ sở lý thuyết và bối cảnh giáo dục Việt Nam.	- Xây dựng cấu trúc ba tầng: tầng ngoài là hệ sinh thái hỗ trợ tạo điều kiện đảm bảo để mô hình có thể vận hành bền vững; tầng bên trong là tầng LOA bao phủ bên trong là tầng SRL với trọng tâm là sinh viên. - Mô tả luồng tác động hai chiều giữa các thành phần LOA và các giai đoạn SRL. - Đối chiếu mô hình với khung năng lực người học đại học và định hướng chuyển đổi số trong đánh giá.	Hình thành mô hình LOA - SRL sơ bộ của sinh viên đại học; là cơ sở cho tham vấn chuyên gia.
Giai đoạn 3. Tham vấn chuyên gia	Kiểm chứng tính hợp lý, khả thi và giá trị ứng dụng của mô hình sơ bộ	- Khảo sát và phỏng vấn 8 chuyên gia (giảng viên, nhà nghiên cứu, cán bộ đảm bảo chất lượng). - Sử dụng phiếu khảo sát Likert 5 mức và phỏng vấn bán cấu trúc. - Đánh giá các tiêu chí: tính phù hợp, tính đổi mới, khả năng triển khai và giá trị học tập.	Hoàn thiện mô hình LOA - SRL; mô hình đạt độ đồng thuận $\geq 70\%$ về tính khả thi và giá trị sư phạm.

2.2. Cơ sở lý thuyết liên quan nghiên cứu

2.2.1. Khái niệm liên quan nghiên cứu

Sự khác biệt cơ bản giữa LOA và các mô hình đánh giá truyền thống như Assessment of Learning (AoL), Assessment for Learning (AfL) hay Assessment as Learning (AaL) không nằm ở công cụ mà ở triết lý tiếp cận. Nếu các mô hình truyền thống xem đánh giá chủ yếu là phương tiện đo lường hoặc hỗ trợ cải thiện kết quả học tập, thì LOA hợp nhất dạy học và đánh giá thành một thể thống nhất, trong đó đánh giá trở thành một phần của quá trình học. Theo Jones và Saville (2016), LOA gồm ba trụ cột: nhiệm vụ học tập định hướng đánh giá, phản hồi thúc đẩy học tập và sự tham gia của người học thông qua tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Ba yếu tố này tạo thành chu trình khép kín nhằm phát triển năng lực thực chất cho người học.

Năng lực tự điều chỉnh học tập (SRL) là khả năng người học tự đặt mục tiêu, lựa chọn chiến lược, giám sát và phản tư kết quả học tập. SRL gồm ba giai đoạn: chuẩn bị, thực hiện và tự đánh giá. Việc phát triển mô hình LOA-SRL giúp vận dụng có hệ thống các trụ cột của LOA để kích hoạt và củng cố năng lực SRL, qua đó thúc đẩy tính tự chủ và học tập suốt đời của sinh viên.

2.2.2. Mối quan hệ giữa LOA và cơ chế hình thành năng lực SRL của người học

Trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển từ truyền đạt kiến thức sang phát triển năng lực, đánh giá hướng tới việc học (Learning Oriented Assessment - LOA) được xem là cách tiếp cận giúp gắn kết đánh giá với quá trình học tập. LOA không chỉ đo lường kết quả mà là triết lý đánh giá vì sự phát triển, trong đó người học tham gia tích cực thông qua hiểu tiêu chí, tiếp nhận phản hồi và tự đánh giá. Jones và Saville (2016) cho rằng LOA tạo nền tảng cho một hệ sinh thái học tập thúc đẩy năng lực tự điều chỉnh học tập (Self-Regulated Learning - SRL). Theo Zimmerman (2000), SRL là khả năng người học tự định hướng, giám sát và điều chỉnh hành động học tập dựa trên các yếu tố nhận thức, động cơ và hành vi. Khi kết nối hai khái niệm này, LOA đóng vai trò môi trường kích hoạt, còn SRL là kết quả và động lực nội tại của học tập tự chủ.

LOA được cấu thành bởi ba trụ cột chính.

*Thứ nhất*, đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập gắn với tình huống thực tiễn, giúp sinh viên vận dụng kiến thức, xác định mục tiêu và lựa chọn chiến lược phù hợp.

*Thứ hai*, phản hồi thúc đẩy học tập, cung cấp thông tin định hướng nhằm thu hẹp khoảng cách giữa năng lực hiện tại và yêu cầu cần đạt. Phản hồi cần rõ ràng, kịp thời và mang tính xây dựng để hỗ trợ điều chỉnh hành vi học tập.

*Thứ ba*, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, tạo cơ chế để người học tham gia tích cực vào việc xem xét và cải thiện kết quả của mình, qua đó nâng

cao tính tự chủ và trách nhiệm. Ba trụ cột này hình thành chu trình khép kín, trong đó đánh giá không chỉ ghi nhận mà còn phát triển năng lực.

Các thành tố của LOA tương thích với ba pha của SRL gồm: suy nghĩ trước (xác định mục tiêu, lập kế hoạch), thực hiện (giám sát và điều chỉnh chiến lược) và tự đánh giá (phản tư và rút kinh nghiệm). Carless (2007) nhấn mạnh rằng nhiệm vụ học tập định hướng đánh giá giúp người học chuẩn bị chiến lược, trong khi phản hồi liên tục hỗ trợ điều chỉnh ở giai đoạn thực hiện. Hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng củng cố khả năng phản tư ở giai đoạn cuối chu trình.

Mối quan hệ giữa LOA và SRL mang tính tương hỗ: LOA tạo điều kiện phát triển SRL, còn khi SRL được hình thành, người học sẽ biết tiếp nhận và vận dụng phản hồi hiệu quả hơn, qua đó nâng cao chất lượng hệ thống đánh giá. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam, nơi nếu đánh giá vẫn thiên về thi cử truyền thống, các thành tố cốt lõi của LOA khó phát huy và năng lực SRL khó được phát triển bền vững..

2.3. Bối cảnh và thực trạng triển khai LOA trong giáo dục đại học Việt Nam

Trong hơn hai thập niên, đổi mới đánh giá trong giáo dục đại học Việt Nam diễn ra cùng tiến trình đổi mới giáo dục, nhưng thực hành đánh giá tại lớp học chuyển dịch chậm hơn nhiều so với định hướng chính sách, tạo nên khoảng cách đáng kể giữa kỳ vọng và thực tiễn triển khai LOA. Phân tích của Trần Thị Thanh Hà & Lê Thái Hưng (2025) cho thấy tiến trình đổi mới có thể chia thành ba giai đoạn: giai đoạn nền tảng bắt đầu với Quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT và Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT quy định kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, dù sự thay đổi vẫn mang tính kỹ thuật và chủ yếu phục vụ kiểm tra kết quả; giai đoạn chuyển đổi (2016 - 2020) với Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và Luật Giáo dục Đại học đã mở rộng quyền tự chủ về đánh giá nhưng năng lực thiết kế và tổ chức đánh giá của giảng viên còn hạn chế, khiến các thành tố của đánh giá để cải thiện việc học tập và đánh giá như một quá trình học khó được triển khai; và giai đoạn đổi mới toàn diện (2021 - 2025) đánh dấu bởi Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, vốn quy định rõ tiêu chí và trọng số đánh giá nhưng vẫn gặp rào cản về hạ tầng, quy mô lớp học lớn và văn hóa chú trọng điểm số, làm suy giảm khả năng tiếp cận trọn vẹn tinh thần của LOA.

Mặc dù khung pháp lý đã thay đổi, những minh chứng thực tiễn cho thấy triển khai LOA trong các trường đại học còn nhiều hạn chế về chiều sâu. Trần Thị Thanh Hà & Lê Thái Hưng (2025) tổng hợp cho thấy phần lớn giảng viên vẫn ưu tiên các hình thức đánh giá tổng kết như thi viết hoặc trắc nghiệm vì phù hợp với quy mô lớp học lớn và dễ quản lý, trong khi các thành tố quan trọng của LOA như thiết kế

nhiệm vụ mang tính học tập, tổ chức phản hồi theo tiến trình, hay hướng dẫn sinh viên tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng chưa được vận dụng một cách hệ thống. Nhiều giảng viên vẫn còn thiếu thời gian và năng lực để cung cấp phản hồi đa chiều, yếu tố được xem là điều kiện tiên quyết để kích hoạt quá trình SRL của sinh viên. Khoảng trống giữa yêu cầu của LOA và thực tế đánh giá tạo ra thách thức kép đó là vừa phải thay đổi tư duy đánh giá của giảng viên, vừa phải phát triển năng lực sư phạm đánh giá để giảng viên có thể vận dụng các phương pháp phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực người học.

Bên cạnh yếu tố kỹ thuật, các rào cản mang tính văn hóa và hệ thống tiếp tục chi phối cách thức đánh giá ở các trường đại học. Văn hóa học tập coi trọng điểm số, xếp hạng và thi cử lâu nay đã định hình hành vi học tập của sinh viên, khiến họ tập trung vào kết quả hơn là quá trình và ít tham gia vào các hoạt động tự đánh giá hay phản hồi lẫn nhau. Thêm vào đó, yêu cầu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, áp lực đảm bảo tiến độ và hạn chế về cơ sở vật chất khiến nhiều chương trình ưu tiên những hình thức đánh giá dễ chấm, dễ quản lý thay vì các nhiệm vụ học tập mở, có tính thực tiễn cao là nền tảng quan trọng của LOA (Chong & Reinders, 2023). Những thách thức này chỉ ra rằng bối cảnh triển khai LOA tại Việt Nam không chỉ gặp khó khăn từ năng lực giảng viên mà còn từ cấu trúc hệ thống và thói quen, kinh nghiệm đã được hình thành lâu dài. Do đó, việc xây dựng mô hình LOA-SRL cần tính đến cả yếu tố chính sách, năng lực đội ngũ và đặc trưng văn hóa học tập để đảm bảo tính khả thi và giá trị ứng dụng trong thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam.

**2.4. Mô hình LOA-SRL đề xuất cho giáo dục đại học Việt Nam**

Việc phát triển mô hình LOA-SRL cần dựa trên những nguyên tắc bảo đảm tính khoa học và tính khả thi trong bối cảnh đại học Việt Nam. Mô hình phải được xây dựng theo định hướng lấy người học làm trung tâm, trong đó đánh giá không chỉ thực hiện chức năng đo lường mà trở thành một không gian học tập nơi sinh viên được khuyến khích lập kế hoạch, giám sát tiến trình và phản chiếu về sự tiến bộ của bản thân. Đồng thời, mô hình cần duy trì sự liên kết chặt chẽ giữa ba trụ cột của LOA để tạo ra một chu trình học tập liên tục, nơi từng hoạt động đánh giá đều góp phần kích hoạt từng pha của SRL. Một nguyên tắc quan trọng khác là mô hình phải phản ánh đúng điều kiện và ràng buộc thực tế: quy mô lớp học lớn, hạn chế về thời gian phản hồi, sự chênh lệch năng lực số của sinh viên và giảng viên, cũng như văn hóa học tập còn thiên về điểm số. Khi các yếu tố này được tính đến và điều chỉnh hợp lý, mô hình mới có thể vận hành ổn định và tạo được tác động thực sự.

Ở lớp lõi, mô hình được cấu thành bởi ba trụ

cột cơ bản của LOA đóng vai trò “động cơ khởi tạo” cho ba pha của mô hình năng lực SRL. Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập được xem là điểm xuất phát của chu trình: khi các nhiệm vụ học tập được thiết kế bám sát chuẩn đầu ra và gắn với bối cảnh thực hành nghề nghiệp, sinh viên buộc phải xác định mục tiêu, cân nhắc chiến lược và dự đoán khó khăn. Những suy nghĩ trước đó chính là pha suy nghĩ trước của SRL được kích hoạt. Chẳng hạn, một bài tập nghiên cứu tình huống kinh doanh không chỉ yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức, mà còn buộc sinh viên đặt kế hoạch thời gian, phân chia nhiệm vụ nhóm và tìm kiếm tài liệu phù hợp. Tiếp theo, đánh giá có phản hồi từ giảng viên, bạn học hoặc hệ thống số sẽ giúp sinh viên nhận ra mức độ tiến bộ và điều chỉnh chiến lược trong quá trình thực hiện. Một nhận xét ngắn gọn về cách lập luận, một gợi ý về hướng tiếp cận nguồn tài liệu hoặc một câu hỏi phản biện cũng có thể trở thành tác nhân quan trọng giúp người học điều chỉnh cách làm. Khi nhiệm vụ học tập kết thúc, hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng cung cấp không gian để sinh viên phân tích nguyên nhân của kết quả đạt được, củng cố pha tự đánh giá bản thân và thiết lập chiến lược cải thiện cho chu kỳ tiếp theo.



Hình 1. Mô hình LOA-SRL (nguồn: tác giả)

Đan xen với ba thành tố của LOA là chu trình SRL được vận hành theo ba pha suy nghĩ trước, thực hiện, tự đánh giá bản thân. Trong pha suy nghĩ trước, đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập chính là “cánh cửa mở” để sinh viên xác lập mục tiêu và động lực. Khi bước vào pha thực hiện, đánh giá có phản hồi trở thành công cụ điều chỉnh, giúp sinh viên nhận biết chênh lệch giữa kỳ vọng và thực tế, từ đó điều chỉnh trọng tâm học tập, phương pháp ghi chép hoặc cách tiếp cận vấn đề. Đến pha tự đánh giá bản thân, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng khuyến khích người học đối sánh sản phẩm với tiêu chí, phân tích nguyên nhân thành công hay hạn chế và hình thành chiến lược mới cho vòng học tiếp theo. Điều quan trọng là ba pha này không vận hành tuyến tính, mà tạo thành một vòng xoắn liên tục, nơi kết quả của chu kỳ này trở thành chất liệu định hướng cho chu kỳ kế tiếp. Chính sự đan xen này đảm bảo rằng đánh giá không bị tách khỏi quá

trình học tập mà trở thành động lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển của năng lực SRL.

Bao quanh hai lớp nói trên là hệ sinh thái hỗ trợ tạo điều kiện đảm bảo để mô hình có thể vận hành bền vững trong thực tế. Hệ sinh thái này được cấu thành bởi bốn nhóm yếu tố liên kết chặt chẽ: sự hỗ trợ của giảng viên, hạ tầng số hóa học tập, văn hóa học tập hướng năng lực và hồ sơ minh chứng tiến bộ. Giảng viên giữ vai trò điều phối, thiết kế nhiệm vụ và dẫn dắt đối thoại phản hồi, giúp sinh viên hiểu rằng sai sót không phải thất bại mà là cơ hội để cải thiện. Hạ tầng số như LMS, e-portfolio hay các công cụ phản hồi tự động giúp duy trì dòng phản hồi liên tục và lưu vết tiến trình. Văn hóa học tập đóng vai trò quyết định việc sinh viên có sẵn sàng tiếp nhận phản hồi và tham gia vào hoạt động tự đánh giá hay không. Cuối cùng, hồ sơ minh chứng học tập giúp sinh viên quan sát sự thay đổi của bản thân qua thời gian, hỗ trợ quá trình phản chiếu và lập kế hoạch. Khi bốn yếu tố này vận hành đồng bộ, chúng tạo ra không gian nơi LOA và SRL không chỉ là những khái niệm lý thuyết mà trở thành trải nghiệm thực, góp phần thúc đẩy năng lực SRL của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

Kết quả kiểm chứng mô hình từ tám chuyên gia cho thấy mức độ đồng thuận cao đối với cấu trúc và tính hợp lý của mô hình LOA-SRL, với điểm trung bình chung trên thang Likert năm mức đạt 4,32/5. Trong bốn tiêu chí đánh giá, tính phù hợp lý thuyết được ghi nhận cao nhất (4,56/5), tiếp đến là giá trị học tập (4,48/5) và tính đổi mới (4,38/5), phản ánh sự đánh giá tích cực về khả năng kết nối mạch lạc giữa nhiệm vụ học tập, phản hồi, tự đánh giá và ba pha SRL. Tiêu chí khả năng triển khai có điểm trung bình thấp hơn (3,85/5), đồng thời cũng có độ lệch chuẩn (SD = 0,62), cho thấy sự khác biệt về điều kiện nguồn lực và kinh nghiệm thực hành đánh giá giữa các đơn vị đào tạo. Ở phần phỏng vấn bán cấu trúc, bốn chuyên gia nhấn mạnh tính thuyết phục của mô hình ở chỗ đánh giá được tổ chức như một quá trình học, nơi sinh viên tương tác với nhiệm vụ, phản hồi và tự đánh giá để từng bước điều chỉnh chiến lược học tập của mình, trong khi bốn chuyên gia đề nghị tinh chỉnh để tăng khả thi, chủ yếu tập trung vào ba nội dung: “đơn giản hóa nhiệm vụ đối với lớp học trên 60 sinh viên, tăng cường phản hồi số để giảm áp lực cho giảng viên và hướng dẫn cụ thể hơn về cách sử dụng hồ sơ minh chứng học tập nhằm tránh làm tăng khối lượng công việc”. Những góp ý này được sử dụng để điều chỉnh mô hình LOA-SRL theo hướng tinh gọn hơn ở cấu trúc nhiệm vụ, tăng tính linh hoạt trong tổ chức phản hồi và tích hợp mạnh mẽ hơn các công cụ số, qua đó hoàn thiện mô hình và nâng cao tính sẵn sàng cho giai đoạn thử nghiệm thực tiễn (Bảng 2).

### 2.5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình LOA-SRL

có khả năng giải quyết hạn chế trong thực hành đánh giá của giáo dục đại học Việt Nam, đó là sự tách rời giữa đánh giá và học tập. Việc tích hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập, phản hồi thúc đẩy học tập và tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng vào chu trình SRL giúp đánh giá không còn dừng lại ở chức năng kiểm tra cuối kỳ, mà trở thành cơ chế hỗ trợ sinh viên hiểu cách mình học, vì sao mình học chưa hiệu quả và cần điều chỉnh ở điểm nào. Đây là bước chuyển quan trọng, phù hợp với xu hướng quốc tế và cũng phản ánh yêu cầu đổi mới mà các chính sách gần đây đang hướng tới.

Bên cạnh đó, những phản hồi từ chuyên gia cho thấy mô hình phù hợp về mặt lý thuyết nhưng cần cân nhắc nhiều yếu tố thực tiễn khi triển khai, đặc biệt là quy mô lớp học lớn, hạn chế thời gian phản hồi của giảng viên, mức độ sẵn sàng công nghệ và năng lực sử dụng phản hồi của sinh viên. Điều này gợi mở rằng hiệu quả của đánh giá theo tiếp cận LOA không chỉ phụ thuộc vào các trụ cột LOA-SRL, mà còn bị điều kiện hóa bởi hệ sinh thái học tập xung quanh là một yếu tố mà các trường đại học Việt Nam chưa đầu tư tương xứng. Vì vậy, việc triển khai mô hình cần được đặt trong chiến lược tổng thể về phát triển giảng viên, chuẩn hóa công cụ LMS và củng cố văn hóa học tập dựa trên phản hồi.

Cuối cùng, mô hình đề xuất đóng góp giá trị thực tiễn khi cung cấp một khung tham chiếu tương đối rõ ràng cho giảng viên trong việc thiết kế hoạt động đánh giá nhằm phát triển năng lực SRL của sinh viên. Tuy nhiên, hiệu quả của mô hình vẫn cần được kiểm nghiệm qua các nghiên cứu thực nghiệm trong những bối cảnh lớp học khác nhau. Điều này không chỉ giúp tinh chỉnh mô hình theo hướng linh hoạt hơn, mà còn tạo bằng chứng thực tiễn để thúc đẩy chuyển đổi đánh giá theo hướng học tập trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu đào tạo nhân lực có khả năng tự học suốt đời.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình LOA-SRL có khả năng khắc phục khoảng trống lâu nay trong thực hành đánh giá của giáo dục đại học Việt Nam, nơi đánh giá thường tách rời khỏi quá trình học. Việc kết nối ba trụ cột của LOA với ba pha của SRL và đặc biệt với hệ sinh thái hỗ trợ tạo điều kiện đảm bảo để mô hình có thể vận hành bền vững trong thực tế, giúp đánh giá vận hành như một quá trình học thống nhất, tạo điều kiện để sinh viên chủ động hơn trong việc lập kế hoạch, theo dõi tiến trình và phân tích chiến lược học tập của chính mình. Phản hồi của các chuyên gia với mức đồng thuận cao đã củng cố tính hợp lý, độ phù hợp và giá trị ứng dụng của mô hình, đồng thời cho thấy mô hình thích ứng tốt với các định hướng đổi mới kiểm tra đánh giá hiện nay.

Từ những kết quả này, mô hình mở ra một số gợi ý quan trọng cho thực tiễn và chính sách. Các trường đại học cần chú trọng phát triển năng lực thiết kế đánh giá của giảng viên, nâng cấp hạ tầng số phục vụ phản hồi và theo dõi tiến trình học tập, cũng như xây dựng văn hóa học tập dựa trên đối thoại và phản hồi mang tính xây dựng. Những yếu tố này sẽ giúp mô hình triển khai hiệu quả hơn và tạo nền tảng để sinh viên hình thành năng lực học tập suốt đời. Các nghiên cứu tiếp theo nên thử nghiệm mô hình trong quy mô lớp học và ngành đào tạo khác nhau, nhằm kiểm chứng mức độ ổn định của mô hình và phân tích sâu hơn cơ chế tác động giữa các thành tố LOA và SRL, qua đó tạo bằng chứng vững chắc để nhân rộng trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT).*
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007). *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT).*
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đại học.*
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.*
- [6]. Carless, D. (2007). *Learning-oriented assessment: Conceptual bases and practical implications.* Innovations in Education and Teaching International, 44(1), 57 - 66.
- [7]. Chong, S. W., & Reinders, H. (Eds.) (2023). *Innovation in Learning-Oriented Language Assessment.* Palgrave Macmillan.
- [8]. Gebriel, A. (Ed.). (2021). *Learning-oriented language assessment: Putting theory into practice.* Routledge.
- [9]. Jones, N., & Saville, N. (2016). *Learning oriented assessment: A systemic approach.* Cambridge University Press.

## Developing an evaluation model based on learning-oriented assessment linked to students' self-regulated learning competence in Vietnamese higher education

Dr. Mai Hoang Sang

Faculty of Education, Saigon University

Email: mhsang@sgu.edu.vn.

**Abstract:** In the context where Vietnamese higher education is transitioning towards a digital teaching model and developing learner competence to meet learning outcomes, assessment innovation becomes an urgent requirement. This paper aims to develop an evaluation model based on Learning-Oriented Assessment to foster students' Self-Regulated Learning (SRL) competence. The study employs a model development methodology through three stages: theoretical review, preliminary model construction, and expert consultation. Results show that the proposed model is structured into three distinct layers: learning-oriented assessment tasks, learning-oriented feedback, and learner involvement through self- and peer-assessment; a Self-Regulated Learning competence layer comprising three phases: forethought, performance, and self-reflection; and an external support layer that includes lecturers, digital learning systems, the competence to utilize feedback, collaborative learning and assessment, and learning portfolios. This model creates a linkage mechanism between assessment, teaching, and technology, thereby promoting students' self-regulation, autonomy, and lifelong learning competence development.

**Keywords:** Learning-oriented assessment, self-regulated learning (SRL), higher education, evaluation model, learner competence.